

DANH SÁCH HSSV ĐOÀN CẤP HUYỆN NG HUYỆN C KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015

KHOA KINH DOANH THƯỜNG NG MĨ

(Kèm theo quy định số: 144/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 03 năm 2015)

STT	MSV	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB	Thành tích	Ghi chú
Học Cao đẳng 5										
1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh										
1	KD050249	Nguyễn Thị	Thị Nhung	26/07/1994	QTKD5D	8,63	80	Giỏi	2.350.000	
2	KD050174	Đào Thị	Hoài	16/01/1995	QTKD5C	8,55	91	Giỏi	2.350.000	
3	KD050180	Lê Thị	Hào	08/03/1994	QTKD5C	8,50	80	Giỏi	2.350.000	
4	KD050190	Nguyễn Thị	Trang	12/01/1995	QTKD5C	8,47	87	Khá	2.200.000	
5	KD050076	Phạm Thị Hoàng	Yên	11/08/1994	QTKD5B	8,41	75	Khá	2.200.000	
6	KD050163	Trần Quỳnh	Trang	29/06/1995	QTKD5C	8,35	79	Khá	2.200.000	
7	KD050188	Phạm Thị	Soan	31/03/1993	QTKD5C	8,16	79	Khá	2.200.000	
8	KD050165	Nguyễn Tuấn	Anh	13/06/1995	QTKD5C	8,14	93	Khá	2.200.000	
9	KD050001	Nguyễn Thị Thanh	Thoa	16/06/1994	QTKD5A	8,08	79	Khá	2.200.000	
10	KD050097	Trần Thị	Đông	26/10/1995	QTKD5B	8,06	85	Khá	2.200.000	
11	KD050155	Lê Thị Thanh	Ngân	30/05/1995	QTKD5C	8,01	79	Khá	2.200.000	
12	KD050159	Vũ Thị	Hội	04/07/1995	QTKD5C	7,94	81	Khá	2.200.000	
13	KD050042	Bùi Thị Nhí	Quỳnh	09/05/1995	QTKD5A	7,94	79	Khá	2.200.000	
2. Chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử										
1	ĐT050003	Nguyễn Kỳ	Duyên	04/01/1995	TMDT5A	8,05	85	Khá	2.200.000	
Học Cao đẳng 6										
1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh										
1	KD060898	Bùi Thị Lan	Hồng	23/05/1996	QTKD6B	8,55	82	Giỏi	2.350.000	
2	KD060860	Nguyễn Ngọc	Huyền	03/10/1996	QTKD6B	8,09	77	Khá	2.200.000	
3	KD060940	Đào Thị	Phong	19/10/1995	QTKD6B	8,07	80	Khá	2.200.000	
4	KD060909	Lê Thị	Linh	18/05/1995	QTKD6B	8,03	80	Khá	2.200.000	
5	KD060937	Trần Lan	Phong	12/09/1996	QTKD6B	7,87	75	Khá	2.200.000	
6	KD060899	Lê Thị Thu	Hồng	27/12/1994	QTKD6C	7,85	79	Khá	2.200.000	
7	KD060930	Đinh Công	Nguyễn	08/11/1994	QTKD6A	7,79	77	Khá	2.200.000	
8	KD060983	Nguyễn Thanh	Tuyền	11/01/1996	QTKD6C	7,75	86	Khá	2.200.000	
9	KD060468	Phạm Thị	Xuân	25/05/1996	QTKD6B	7,75	75	Khá	2.200.000	
2. Chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử										
1	ĐT060865	Vũ Tuấn	Linh	13/08/1995	TMĐT6A	8,03	84	Khá	2.200.000	

Danh sách này gồm 04 học bổng giỏi, 20 học bổng khá

DANH SÁCH HSSV ĐOÀN CẤP HỌC CẤP NG HỌC C KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015

KHOA NGOẠI NG

(Kèm theo quy định số:144/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 03 năm 2015)

TT	MSV	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB	Thành tích	Ghi chú
Học Cao đẳng 5										
1	AV050033	Nghiêm Thu	Trang	29/08/1994	AV5A	8,64	84	Giỏi	2.350.000	
2	AV050120	Kiều Thị Vân	Anh	30/11/1995	AV5B	8,45	81	Khá	2.200.000	
3	AV050020	Trần Khánh	Ly	25/09/1995	AV5A	8,15	79	Khá	2.200.000	
4	AV050013	Tống Kim	Diên	25/05/1994	AV5A	8,02	84	Khá	2.200.000	
5	AV050073	Trần Thị Kiều	Oanh	20/01/1995	AV5B	7,85	85	Khá	2.200.000	
6	AV050118	Trần Thị Kim	Anh	12/02/1995	AV5B	7,83	77	Khá	2.200.000	
7	AV050041	Nguyễn Nh	Quỳnh	16/06/1995	AV5A	7,80	79	Khá	2.200.000	
8	AV050206	Trần Việt	Trình	04/12/1995	AV5C	7,78	79	Khá	2.200.000	
9	AV050097	Mai Thị	Thúy	19/05/1994	AV5B	7,74	85	Khá	2.200.000	
10	AV050070	Bùi Thị	Ng	25/03/1995	AV5B	7,73	79	Khá	2.200.000	
11	AV050027	Nguyễn Thị	Th	07/04/1994	AV5A	7,71	79	Khá	2.200.000	
Học Cao đẳng 6										
1	AV060301	Lê Thị Ngọc	Anh	25/10/1995	AV6A	8,61	86	Giỏi	2.350.000	
2	AV060514	Nguyễn Ngọc	Anh	22/06/1996	AV6A	8,59	80	Giỏi	2.350.000	
3	AV060371	Nguyễn Thị	H	26/02/1995	AV6A	8,39	81	Khá	2.200.000	
4	AV060539	Phạm Hoàng	H	09/12/1996	AV6C	8,32	87	Khá	2.200.000	
5	AV060321	Nguyễn Thị Hoàng	Duyên	21/02/1996	AV6A	8,29	79	Khá	2.200.000	
6	AV060571	Phạm Thị	M	10/01/1995	AV6A	8,26	79	Khá	2.200.000	
7	AV060381	Lê Thị	Linh	02/10/1996	AV6A	8,26	79	Khá	2.200.000	
8	AV060341	Nguyễn Thị	H	03/12/1996	AV6A	8,25	79	Khá	2.200.000	
9	AV060630	Nguyễn Thanh	Th	01/07/1996	AV6A	8,18	75	Khá	2.200.000	
10	AV060375	Đoàn Thị	Lan	16/10/1996	AV6A	8,17	79	Khá	2.200.000	
11	AV060400	Trần Thị	Mi	21/03/1995	AV6A	8,06	81	Khá	2.200.000	

Danh sách này gồm 03 học bổng giỏi, 19 học bổng khá

DANH SÁCH HSSV ĐẠT CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN
(Kèm theo quy định số:144/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 03 năm 2015)

STT	MSV	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB	Thành tích	Ghi chú
Học Cao đẳng 5										
1	CB050109	Trần Ngọc Phương	Thao	29/05/1994	QTCB5B	8,36	80	Khá	2.200.000	
2	CB050111	Đỗ Thị	Thúy	27/12/1995	QTCB5B	8,12	75	Khá	2.200.000	
3	CB050075	Hoàng Thị	Hà	19/11/1995	QTCB5B	7,92	75	Khá	2.200.000	
4	CB050041	Ngô Thị	Ngân	27/07/1995	QTCB5A	7,79	81	Khá	2.200.000	
5	CB050082	Lê Thị	Hoài	10/06/1994	QTCB5B	7,62	75	Khá	2.200.000	
Học Cao đẳng 6										
1	CB061028	Bùi Thanh	Phương	14/02/1996	QTCB6A	8,16	79	Khá	2.200.000	
2	CB060992	Nguyễn Thị	Hà	05/05/1996	QTCB6B	8,09	79	Khá	2.200.000	
3	CB060515	Đặng Thị	Thắm	07/08/1996	QTCB6A	8,09	79	Khá	2.200.000	
4	CB061034	Vũ Thị	Thao	30/12/1996	QTCB6B	8,07	75	Khá	2.200.000	
5	CB061029	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	06/12/1996	QTCB6A	8,00	79	Khá	2.200.000	

Danh sách này gồm 10 học bổng khá

DANH SÁCH HSSV ĐOÀN CẤP HỒI CẤP NG HỒI C KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
(Kèm theo quy định số :144/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 03 năm 2015)

STT	MSV	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB	Thành tích	Ghi chú
Hội Cao đẳng 5										
1	KT050256	Nguyễn Thị	Trang	27/12/1995	KT5D	8,75	80	Giỏi	2.350.000	
2	KT050271	Đoàn Thị Thanh	Lịch	02/08/1993	KT5E	8,74	86	Giỏi	2.350.000	
3	KT050312	Trần Thùy	Đoàn	06/09/1993	KT5D	8,38	79	Khá	2.200.000	
4	KT050165	Hoàng Thu	Trang	28/03/1995	KT5C	8,38	79	Khá	2.200.000	
5	KT050135	Trần Thị	Giang	05/11/1994	KT5C	8,33	79	Khá	2.200.000	
6	KT050110	Phan Thị	Thía	10/05/1995	KT5B	8,28	91	Khá	2.200.000	
7	KT050154	Đoàn Thị	Thủy	27/08/1995	KT5C	8,23	79	Khá	2.200.000	
8	KT050332	Ngô Thanh	Hồng	29/09/1995	KT5E	8,21	79	Khá	2.200.000	
9	KT050184	Đoàn Thị	Trang	01/08/1995	KT5C	8,16	79	Khá	2.200.000	
10	KT050269	Đoàn Thanh	Huyền	10/12/1995	KT5E	8,11	84	Khá	2.200.000	
11	KT050174	Nguyễn Thị	Thùy	25/01/1995	KT5C	8,07	79	Khá	2.200.000	
12	KT050145	Đoàn Thị	Nhàn	13/04/1994	KT5C	8,02	85	Khá	2.200.000	
13	KT050038	Hoàng Thị Vân	Anh	17/11/1995	KT5A	7,99	84	Khá	2.200.000	
14	KT050259	Nguyễn Thị	Huyền	19/05/1995	KT5D	7,96	79	Khá	2.200.000	
15	KT050227	Nguyễn Thị	Phụng	17/11/1995	KT5D	7,94	79	Khá	2.200.000	
16	KT050192	Vũ Thị Thu	Hà	29/07/1995	KT5C	7,92	79	Khá	2.200.000	
17	KT050120	Đoàn Thị	Huyền	17/06/1995	KT5B	7,89	79	Khá	2.200.000	
18	KT050185	Tô Thị	Vui	11/04/1994	KT5C	7,88	79	Khá	2.200.000	
19	KT050080	Nguyễn Thị	Huyền	14/08/1995	KT5B	7,86	85	Khá	2.200.000	
20	KT050188	Nguyễn Thị	Tăng	12/08/1995	KT5C	7,85	85	Khá	2.200.000	
Hội Cao đẳng 6										
1	KT060687	Phạm Thị	Dung	30/04/1996	KT6B	8,56	80	Giỏi	2.350.000	
2	KT060743	Nguyễn Thị	Mùi	10/09/1991	KT6A	8,39	84	Khá	2.200.000	
3	KT060834	Hoàng Thị	Thu	08/09/1995	KT6D	8,38	79	Khá	2.200.000	
4	KT060823	Trần Thị	Hồng	27/07/1996	KT6B	8,38	79	Khá	2.200.000	
5	KT060845	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/09/1996	KT6B	8,37	78	Khá	2.200.000	
6	KT060467	Nguyễn Thị	Oanh	17/05/1996	KT6C	8,31	79	Khá	2.200.000	
7	KT060775	Nguyễn Thúy	Quỳnh	08/08/1996	KT6D	8,27	79	Khá	2.200.000	
8	KT060846	Thái Thị	Hoài	25/05/1996	KT6D	8,23	79	Khá	2.200.000	
9	KT060586	Lê Thị Thanh	Ngọc	09/09/1996	KT6B	8,23	79	Khá	2.200.000	
10	KT060437	Phan Thị	Hồng	03/06/1996	KT6B	8,23	79	Khá	2.200.000	
11	KT060819	Thái Thị	Yên	21/02/1995	KT6D	8,07	79	Khá	2.200.000	
12	KT060836	Phạm Thị Hồng	Vân	22/02/1995	KT6C	8,07	75	Khá	2.200.000	

Danh sách này gồm 03 học bổng học bổng, 29 học bổng khác

DANH SÁCH HSSV ĐẠT CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA KHÁCH SỞ DU LỊCH
(Kèm theo quy định số: 144/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 03 năm 2015)

STT	MSV	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB	Thành tích	Ghi chú
Học Cao đẳng 5										
1	KS050204	Vũ Thị	Huyền	10/12/1994	QTKS5C	8,61	80	Giỏi	2.350.000	
2	KS050056	Trần Thị Thu	Trang	28/10/1995	QTKS5A	8,34	79	Khá	2.200.000	
3	KS050142	Nguyễn Thị	Liên	07/05/1995	QTKS5C	8,28	81	Khá	2.200.000	
4	KS050231	Nguyễn Thị	Thanh	30/08/1994	QTKS5C	8,28	79	Khá	2.200.000	
5	KS050202	Cao Thị	Huyền	14/10/1995	QTKS5C	7,95	79	Khá	2.200.000	
6	KS050258	Lê Thị Mai	Linh	02/10/1995	QTKS5C	7,54	83	Khá	2.200.000	
7	KS050065	Lê Thị	Thị Ngọc	09/04/1995	QTKS5A	7,49	83	Khá	2.200.000	
8	KS050075	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	06/08/1995	QTKS5B	7,46	75	Khá	2.200.000	
9	KS050197	Nguyễn Thị	Hoàng	21/06/1995	QTKS5C	7,27	79	Khá	2.200.000	
10	KS050117	Nguyễn Thị Thu	Huỳnh	10/12/1995	QTKS5B	7,14	74	Khá	2.200.000	
11	KS050019	Vũ Thị Kim	Tuyền	24/10/1995	QTKS5A	7,13	80	Khá	2.200.000	
12	KS050145	Phạm Thị	Ngân	25/02/1995	QTKS5C	7,12	81	Khá	2.200.000	
13	KS050063	Đỗ Thị	Lan	22/03/1994	QTKS5A	7,00	73	Khá	2.200.000	
Học Cao đẳng 6										
1	KS061146	Nguyễn Ngọc Minh	Hoàng	16/10/1995	QTKS6B	8,74	76	Khá	2.200.000	
2	KS061150	Đỗ Thị	Huyền	05/12/1995	QTKS6C	8,26	79	Khá	2.200.000	
3	KS061103	Phùng Nhật	Minh	23/12/1996	QTKS6C	8,21	85	Khá	2.200.000	
4	KS061135	Nguyễn Thị Ái	Vui	31/07/1996	QTKS6C	8,01	79	Khá	2.200.000	
5	KS061030	Nguyễn Thị Vân	Anh	22/08/1996	QTKS6C	7,95	75	Khá	2.200.000	
6	KS060762	Trần Thị	Song	19/07/1996	QTKS6A	7,88	75	Khá	2.200.000	
7	KS061109	Nguyễn Thị Minh	Nguyễn	22/11/1996	QTKS6C	7,85	79	Khá	2.200.000	
8	KS061156	Vũ Thị	Vân	12/10/1996	QTKS6B	7,83	79	Khá	2.200.000	

Danh sách này gồm 01 học bổng giỏi, 20 học bổng khá

DANH SÁCH HSSV ĐẠT CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo quy định số: 144/QĐ-TMDL ngày 31 tháng 03 năm 2015)

STT	MSV	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Mức HB	Thành tích	Ghi chú
Học Cao đẳng 5										
1	TH050008	Ngô Thị Thúy	L	10/10/1995	TH5A	7,73	84	Khá	2.200.000	

Danh sách này gồm 01 học bổng khá